

BIÊN BẢN
Về việc niêm yết công khai chất lượng
theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thời gian bắt đầu: 8 giờ 00 phút ngày 03 tháng 7 năm 2023

Địa điểm: Tại Văn phòng trường THCS Trương Văn Trí

Thành phần tham dự:

1. Ông Trần Đông - Hiệu trưởng;
2. Bà Đặng Thị Gái - Chủ tịch công đoàn cơ sở;
3. Ông Phan Tuấn Dũng, Trưởng ban thanh tra nhân dân;

Chủ trì: Ông Trần Đông - Hiệu trưởng;

Thư ký: Bà Nguyễn Thị Mỹ Uyên - Văn thư.

Nội dung:

Ông Trần Đông - Hiệu trưởng và đại diện Ban chấp hành công đoàn Trường Trung học cơ sở Trương Văn Trí tiến hành lập biên bản về việc niêm yết công khai chất lượng theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

1. Công khai chất lượng cuối năm học 2022 - 2023

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở Trương Văn Trí theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT (Mẫu số 10).

2. Hình thức, thời gian thực hiện niêm yết

- Hình thức: Niêm yết trên bảng thông tin của nhà trường, công khai trên cổng thông tin điện tử của trường.

- Số lượng bản niêm yết: 01 bộ.

- Thời gian thực hiện niêm yết từ ngày 03/7/2023 đến hết ngày 13/7/2023 và được thông tin rộng rãi đến cán bộ, giáo viên, nhân viên trường biết.

Biên bản được lập vào lúc 9 giờ 30 phút ngày 03/7/2023.

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Mỹ Uyên

CHỦ TỊCH

CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ



Đặng Thị Gái

HIỆU TRƯỞNG



Trần Đông

Biểu mẫu 10

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THCS TRƯƠNG VĂN TRÌ**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường
trung học phổ thông, năm học 2022 – 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	552	171	130	141	110
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	462 83.7%	143 83.6%	98 75.4%	121 85.8%	100 90.9%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	90 16.3%	28 16.4%	32 24.6%	20 14.2%	10 9.1%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo học lực	552	171	130	141	110
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	115 95.0%	36 21.1%	24 18.5%	35 24.8%	20 18.2%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	239 43.3%	79 46.2%	42 32.3%	68 48.2%	50 45.5%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	189 34.2%	53 30.9%	59 45.4%	37 26.2%	40 36.4%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	9 1.6%	3 1.6%	5 3.8%	1 0.7%	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					



		552	171	130	141	110
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
		543	168	125	140	110
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	98.4%	98.2%	96.2%	99.3%	100%
		115	36	24	35	20
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	95.0%	21.1%	18.5%	24.8%	18.2%
		239	79	42	68	50
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	43.3%	46.2%	32.3%	48.2%	45.5%
		9	3	5	1	
2	Thì lại (tỷ lệ so với tổng số)	1.6%	1.6%	3.8%	0.7%	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)		1	1	2	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)				1	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	65	16	24	18	7
2	Cấp tỉnh/thành phố	3				3
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	110				110
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	110				110
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	20 18.2%				20 18.2%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	50 45.5%				50 45.5%
3	Trung bình	40				40

	(Tỷ lệ so với tổng số)	36.4%				36.4%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	552	85/86	70/60	69/72	50/60
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	111	34	33	26	18

Phước Hào, ngày 30 tháng 6 năm 2023

Thư trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRƯỜNG VĂN TÀI
Trần Đông

